Số: 542/BC-UBND
Thời gian ký: 2026-10-09T21:52:16+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐIỆN BÀN

Mẫu biểu số 54

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số : /BC-UBND ngày /10/2026 của UBND phường Điện Bàn).

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Tỷ lệ % so với Dự toán
			Quý III	Lũy kế đến quý III	
A	B	1	2	3	4=3/1
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**180.200**	**21.046**	**70.516**	**39,13**
I	Thu nội địa	180.200	21.046	70.508	39,13
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			7,2	
IV	Thu viện trợ				
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**346.565**	**111.946**	**345.897**	**99,81**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**84.344**	**17.775**	**58.783**	**69,69**
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	21.856	4.103	10.558	48,31
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)				
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	62.488	13.672	48.225	77,17
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**262.221**	**94.171**	**251.974**	**96,09**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	201.509	50.376	151.128	75,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	60.712	43.795	100.846	166,11
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**				
IV	**Thu kết dư**			**16,4**	
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**35.124**	
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**346.565**	**84.472**	**204.259**	**58,94**
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**330.473**	**74.757**	**188.364**	**57,00**
1	Chi đầu tư phát triển	54.547	14.891	30.274	55,50
2	Chi thường xuyên	270.209	59.562	148.526	54,97
3	Chi cho vay				
4	Chi viện trợ				
5	Chi trả nợ lãi				
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
7	Dự phòng NSNN	5.717	303,8	517,8	9,1
8	Các nhiệm vụ chi khác (Nộp trả ngân sách)			9.046,0	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**	**16.092**	**9.715,0**	**15.895**	**98,8**
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐIỆN BÀN

Mẫu biểu số 55

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số : /BC-UBND ngày /10/2026 của UBND phường Điện Bàn).

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Tỷ lệ % so với Dự toán
			Quý III	Lũy kế đến quý III	
A	B	1	2	3	4=3/1
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (*)**	**180.200**	**21.046**	**70.516**	**39,13**
I	**Thu nội địa**	**180.200**	**21.046**	**70.508**	**39,13**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	700	274	1.132	161,64
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN			2.296	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	35.570	12.068	40.624	114,21
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.380	2.817	11.418	110,00
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	
6	Các loại phí, lệ phí	19.970	3.581	9.601	48,08
	Tr đó: Lệ phí trước bạ	15.600	2.419	9.048	58,00
7	Các khoản thu về nhà, đất	107.040	1.738	3.872	3,62
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*	-	-	-	
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*1.590*	*372*	978	61,51
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*910*	*37*	303	33,30
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*104.540*	*1.329*	2.591	2,48
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*			-	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển			-	
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			-	
10	Thu từ hoạt động xổ số			-	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	700		478	68,29
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước			-	
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*			-	
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*			-	
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	20		-	
14	Thu khác ngân sách	5.820	568	1.087	18,68
II	**Thu từ dầu thô**			-	
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**			7	
IV	**Thu viện trợ**			-	
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**			-	
1	Thuế GTGT			-	
2	Thuế TTĐB			-	
3	Hoàn các khoản thu khác			-	
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**84.344**	**17.775**	**58.783**	**69,69**
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP	62.488	13.672	48.225	77,17
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)				
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	21.856	4.103	10.558	48,31

UỶ BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐIỆN BÀN

Mẫu biểu số 56.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số : /BC-UBND ngày /10/2026 của UBND phường Điện Bàn).

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Tỷ lệ % so với Dự toán
			Quý III	Lũy kế đến quý 3	
A	B	1	2	3	4=3/1
	TỔNG CHI NSĐP	**346.565**	**84.472**	**204.259**	**58,94**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**330.473**	**74.757**	**188.364**	**57,00**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**54.547**	**14.891**	**30.274**	**55,50**
II	**Chi trả nợ lãi**				
III	**Chi thường xuyên**	**270.209**	**59.562**	**148.526**	**54,97**
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	*98.919*	*22.026*	*65.080*	*65,79*
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	*2.000*	1.224	*1.322*	*66,10*
IV	**Chi cho vay**				
V	**Chi viện trợ**				
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**				
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**5.717**	**304**	**518**	**9,06**
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**				
IX	**Các nhiệm vụ chi khác (Nộp trả NS)**			**9.046**	
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**	**16.092**	**9.715**	**15.895**	**98,78**
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	16.092	9.715	15.895	98,78
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				